TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 4 - 2024
"V/v Ly hôn có yếu tố nước ngoài"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ma Hồng Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Hoàng Thị Duyên.

Thư ký phiên toà: Bà La Thu Thảo - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc "Ly hôn có yếu tố nước ngoài".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Đào Thị Huyền T**, sinh năm 1983;

Trú tại: thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;

2. Bị đơn: Anh **Lưu Đình B**, sinh năm 1982;
Nơi đăng ký NKTT: thôn Y, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang;
Hiện đang sinh sống và làm việc tại Singapore.

(Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn Chị Đào Thị Huyền T *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B tự do tìm hiểu và đăng kí kết hôn ngày 17/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì anh Lưu Đình B đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, từ năm 2009 đến nay, anh B về nước 03 lần. Hiện nay anh B đang sinh sống và làm việc tại Singapore. 2 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là

do tính tình vợ chồng không hợp nhau, anh B không gửi tiền về cho tôi để chăm sóc con, mà anh B chỉ gửi tiền về cho bố mẹ anh B giữ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đào Thị H Thương yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Lưu Đình B.

Về con chung: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B có 02 con chung là, cháu Lưu Phương A, sinh ngày 10/8/2005 (đã trên 18 tuổi) và cháu Lưu Minh P, sinh ngày 01/10/2008, hiện đang sinh sống cùng chị T, khi ly hôn, chị Thương yêu c được trực tiếp nuôi cháu Lưu Minh P, không yêu cầu anh Lưu Đình B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại 02 biên bản xác minh với bà Nguyễn Thị T1 (là mẹ đẻ của anh Lưu Đình B), bà T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B tự do tìm hiểu và đăng kí kết hôn ngày 17/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì anh Lưu Đình B đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, từ năm 2009 đến nay, anh B về nước 03 lần. Hiện nay anh B đang sinh sống và làm việc tại Singapore. 2 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay anh B đã bỏ ra ngoài làm tự do, nên bà Nguyễn Thị T1 không biết địa chỉ cụ thể của anh B, chỉ biết đang sinh sống và làm việc tại Singapore (Tuy nhiên vẫn điện thoại qua zalo và nhắn tin được), nay chị Đào Thị H Thương yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Lưu Đình B, bà T1 đã điện thoại nói cho anh B biết các thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án, niêm yết giấy triệu tập và xác minh thu thập chứng cứ, anh B cũng đã nói lại với bà Thà l nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B có 02 con chung là, cháu Lưu Phương A, sinh ngày 10/8/2005 (đã trên 18 tuổi) và cháu Lưu Minh P, sinh ngày 01/10/2008, hiện đang sinh sống cùng chị T, khi ly hôn, chị Thương yêu c được trực tiếp nuôi cháu Lưu Minh P, bà T1 nhất trí, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Bà T1 xác nhận, chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B không có tài sản, đất đai, vay nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 điều 37; khoản 1, điều 38, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều

147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, 273; khoản 1, Điều 470; khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Huyền T, xử cho chị Đào Thị H Thương được ly hôn với anh Lưu Đình B.

Về con chung, Giao cháu Lưu Minh P, sinh ngày 01/10/2008, hiện đang sinh sống cùng chị T, cho chị Đào Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Lưu Đình B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung, các đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí, chị Đào Thị Huyền T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Về quyền kháng cáo: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Đào Thị Huyền T có đơn xin ly hôn anh Lưu Đình B. Anh Lưu Đình B có quốc tịch Việt nam nhưng hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Singapore. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B tự do tìm hiểu và đăng kí kết hôn ngày 17/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2009 thì anh Lưu Đình B đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, từ năm 2009 đến nay, anh B về nước 03 lần. Hiện nay anh B đang sinh sống và làm việc tại Singapore. 2 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Hiện nay anh B đã bỏ ra ngoài làm tự do, nên gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh B, nay chị Đào Thị H Thương yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với anh Lưu Đình B, bà T1 đã điện thoại nói cho anh B biết các thông tin về việc Tòa án thụ lý vụ án, niêm yết giấy triệu tập, xác minh thu thập chứng cứ, anh B cũng đã nói lại với bà Thà l anh B nhất trí ly hôn với chị T.

Vì vậy, cần Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị Huyền T, xử cho chị Đào Thị H Thương được ly hôn anh Lưu Đình B.

[3] Về con chung: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B có 02 con chung là, cháu Lưu Phương A, sinh ngày 10/8/2005 (đã trên 18 tuổi) và cháu Lưu Minh P, sinh ngày 01/10/2008, hiện đang sinh sống cùng chị T, cần áp dụng các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lưu Minh P, sinh ngày 01/10/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lưu Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: chị Đào Thị Huyền T và anh Lưu Đình B xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: chị Đào Thị Huyền T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. anh Lưu Đình B không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 điều 37; khoản 1, điều 38, khoản 1 Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; Điều 228; Điều 238; Điều 266, Điều 271, 273; Điều 469; khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đào Thị Huyền T, cho chị Đào Thị H T được ly hôn với anh Lưu Đình B.

2. Về con chung, chị Đào Thị Huyền T được quyền trực tiếp nuôi cháu Lưu Minh P, sinh ngày 01/10/2008, anh Lưu Đình B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: không có và không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đào Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000017 ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Lưu Đình B không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Lưu Đình B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (một) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm

yết công khai và chị Đào Thị Huyền T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Hồng Thắng